CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Tập đoàn Quản lý tài sản T-CORP

Ngày 31/12/2025	8,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-7.5%	**-**	**-9.5%**

DT thuần
Q4/25
20.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.80| -3.7%
YoY: ▼3.60| -14.9%

LN thuần
Q4/25
-20.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼33.0| -273%
YoY: ▲ 3.20| 13.4%

LN sau thuế
Q4/25
-20.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼32.7| -277%
YoY: ▼23.1| -1065%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
46.5%
YoY: +/-▼ 138%

ROE
2025
0.9%
YoY: +/-▼ 19.2%

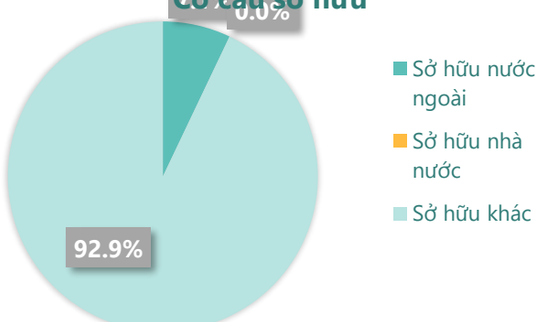
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,900 - 12,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	827
Số lượng CPLH (CP)	96,155,570
KLGD BQ 20 phiên (CP)	126,760
Sở hữu nước ngoài	7.1%
Beta	0.65
EPS	176
P/E	48.8

DT thuần
2025
92.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼154| -62.4%

LN thuần
2025
16.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼408| -96.2%

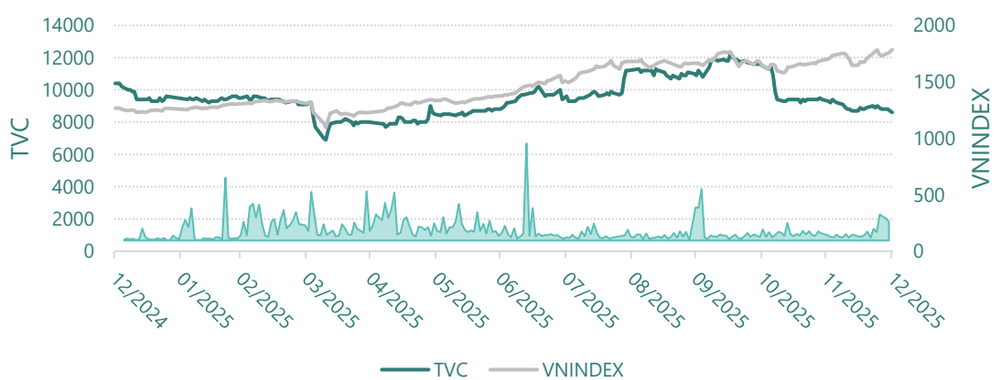
LN sau thuế
2025
27.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼413| -93.7%

Cơ cấu sở hữu

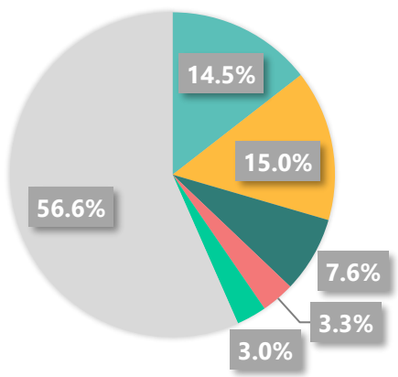


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



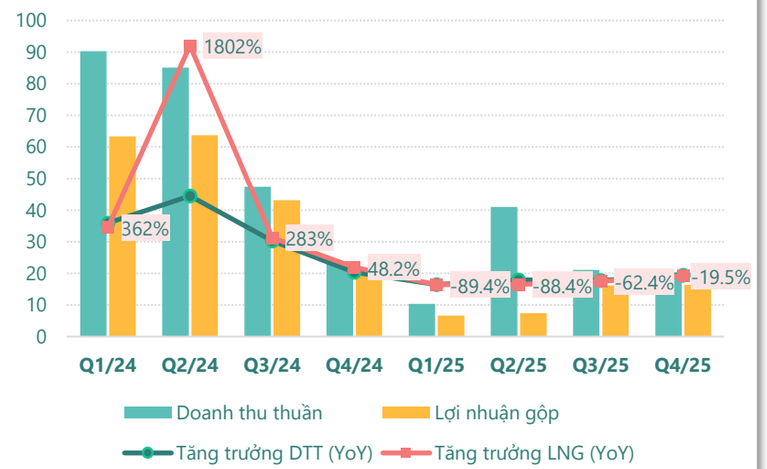
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

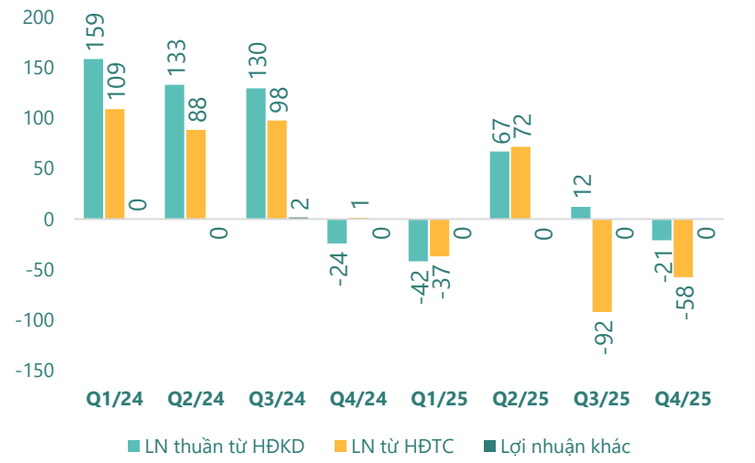
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



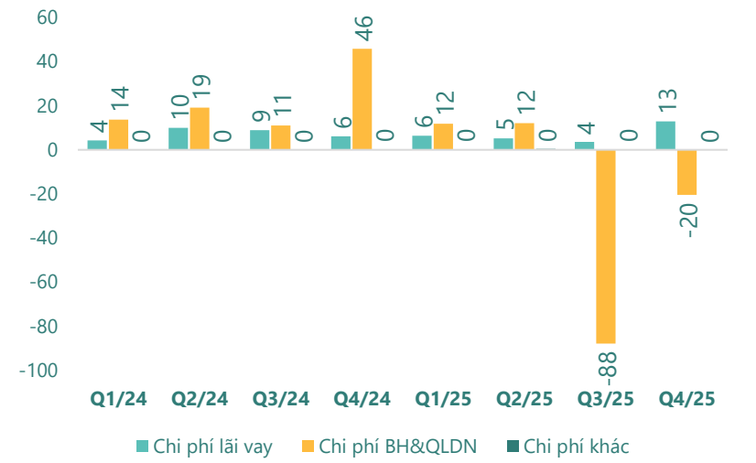
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



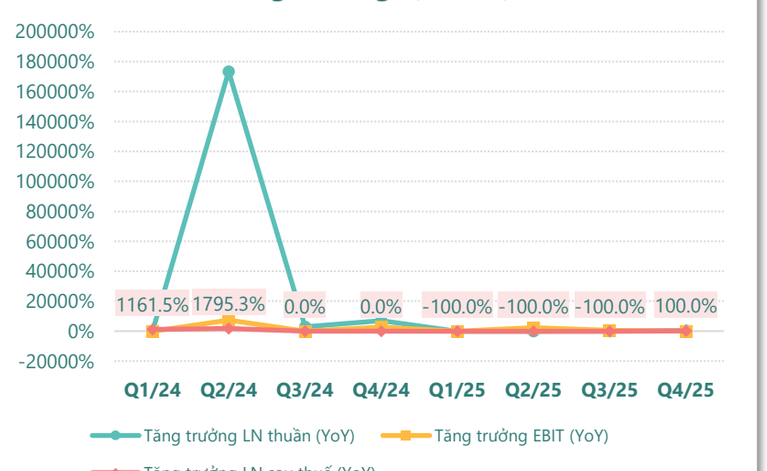
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



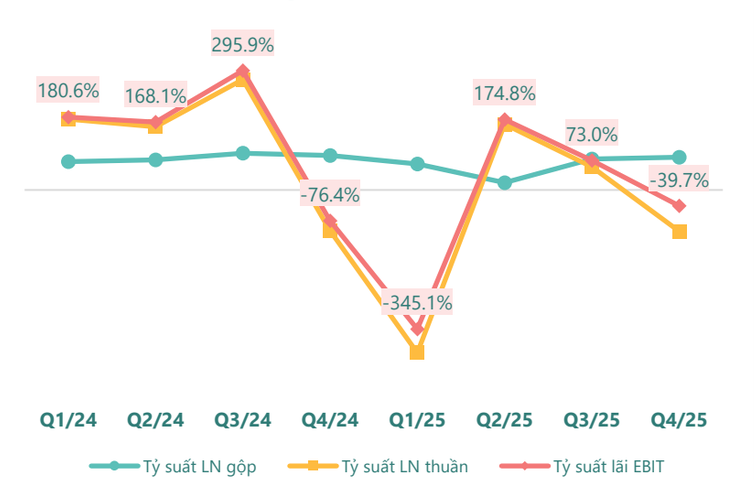
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



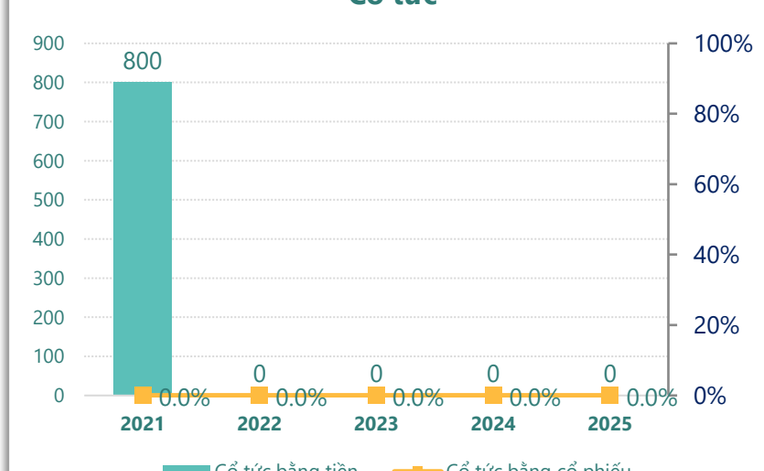
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

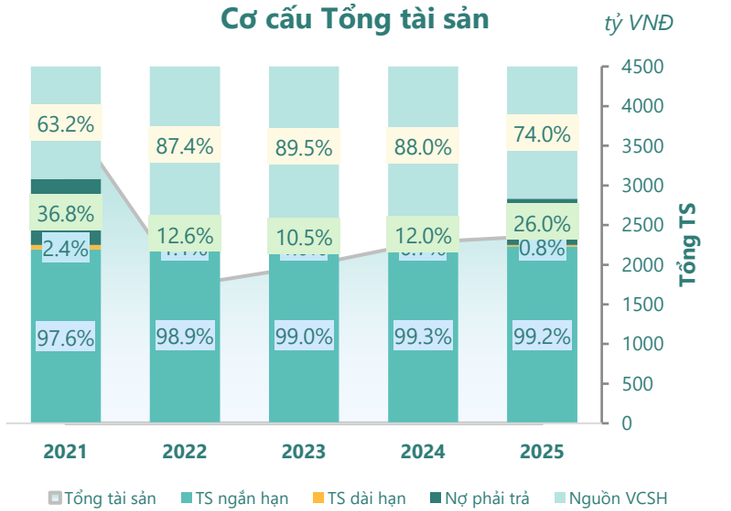
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

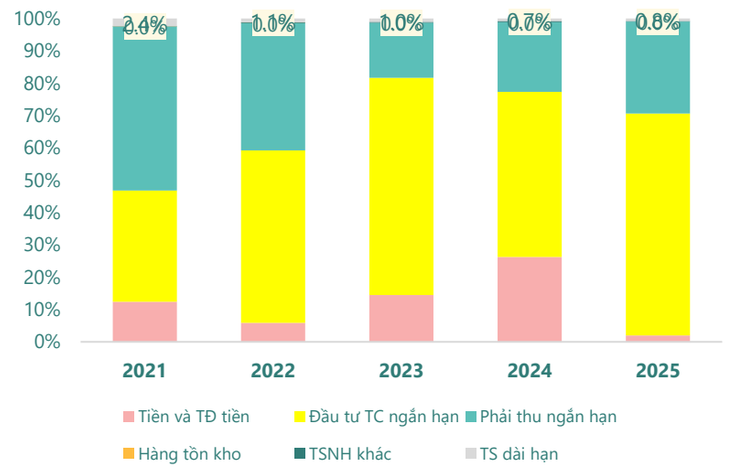
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



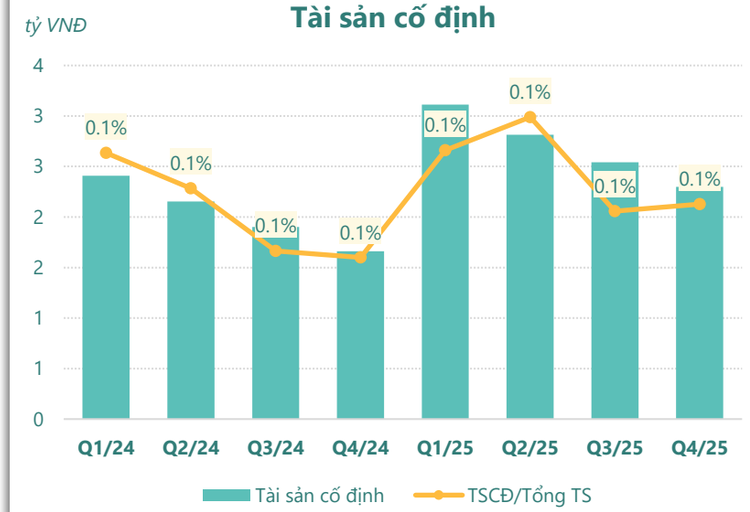
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



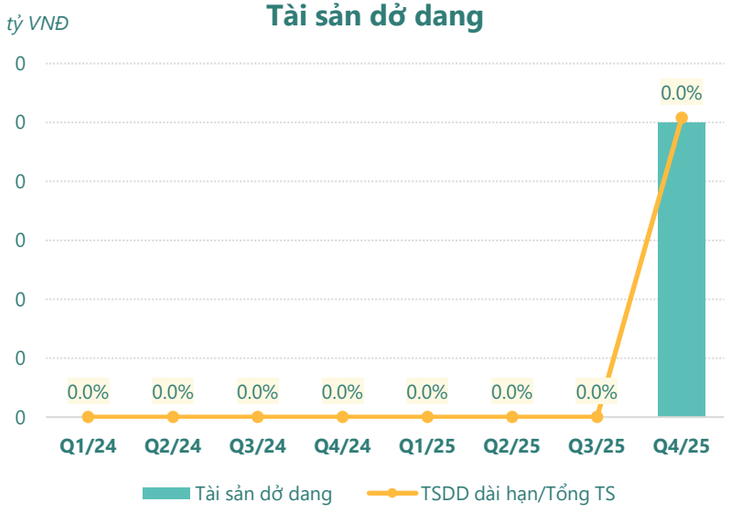
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



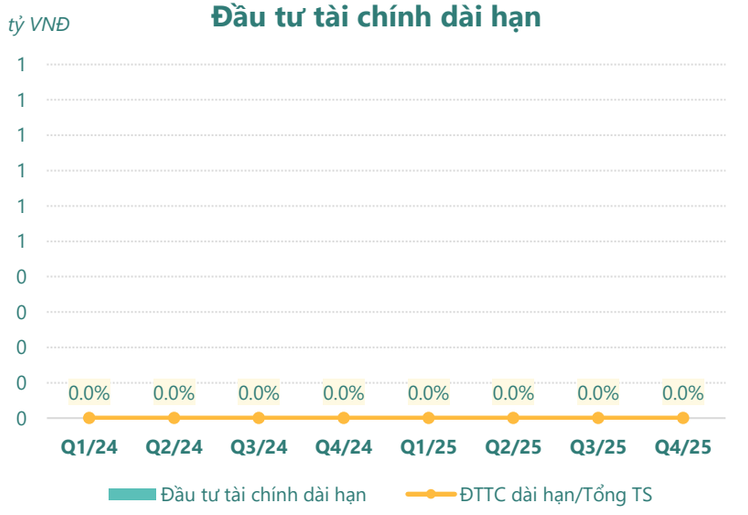
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



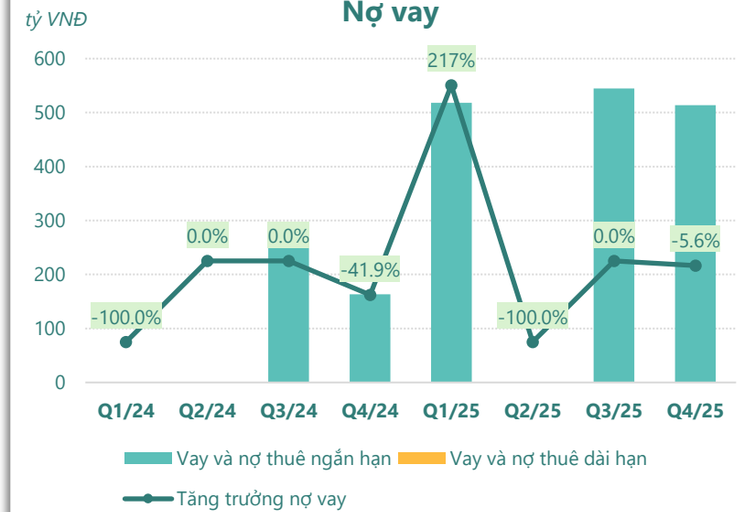
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

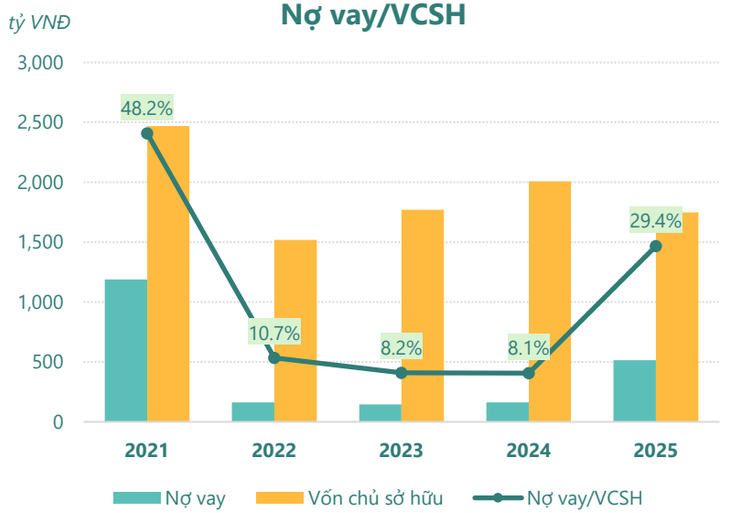
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

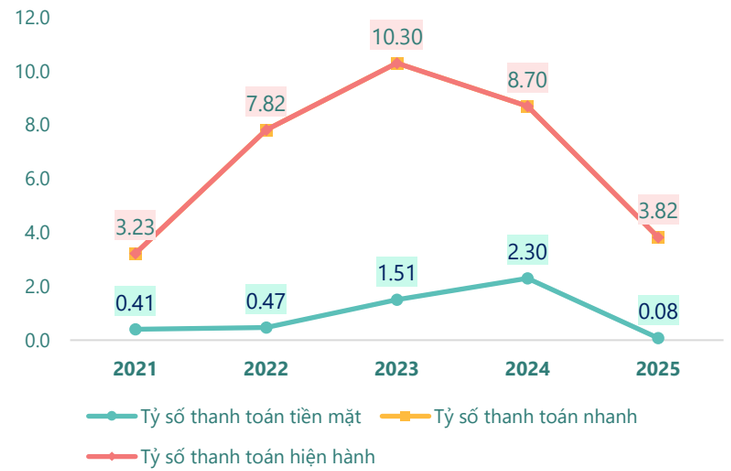
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



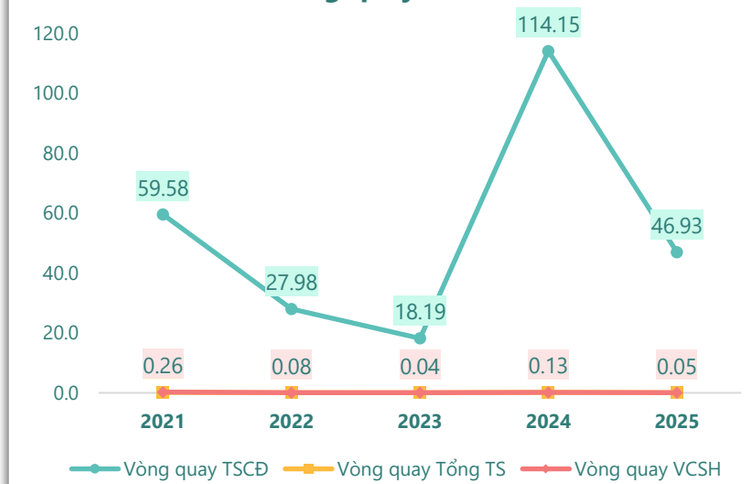
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



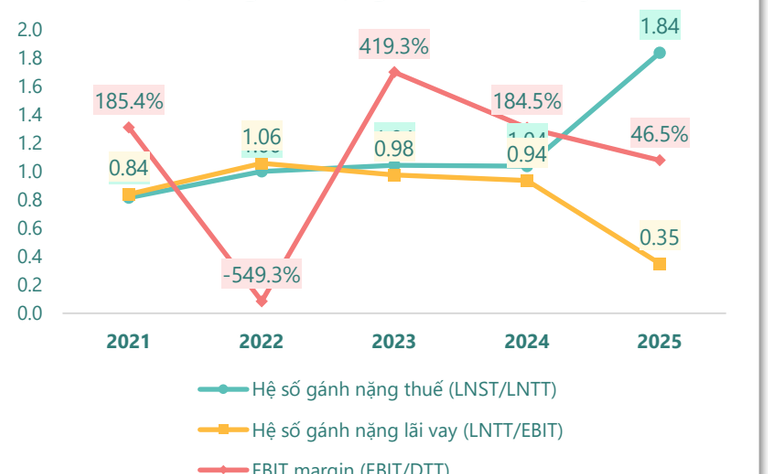
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



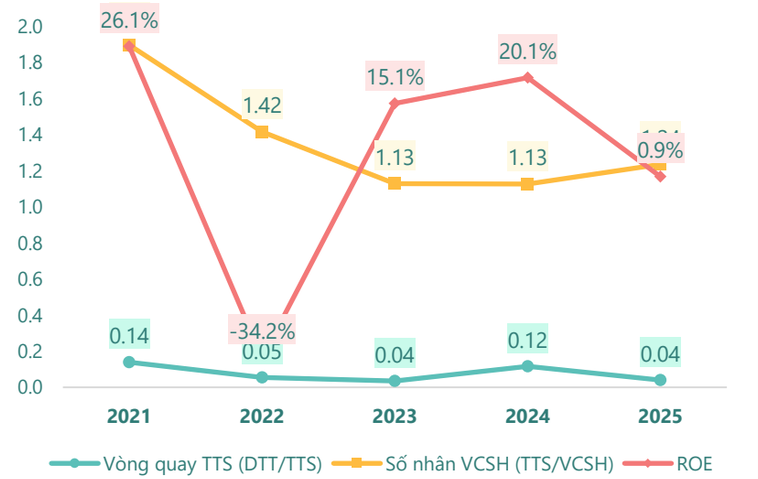
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



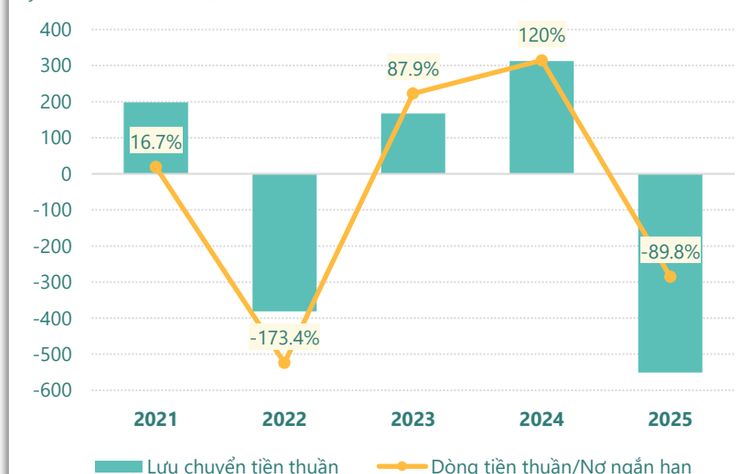
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**20.3**	**23.9**	**-14.9%**	**92.9**	**247**	**-62.4%**
Giá vốn hàng bán	3.91	3.45	13.3%	46.1	56.1	-17.8%
Lợi nhuận gộp	16.4	20.4	-19.5%	46.8	191	-75.5%
Doanh thu HĐTC	25.6	39.9	-35.9%	126	333	-62.1%
Chi phí TC	83.3	38.5	116%	241	17.6	1268%
Chi phí lãi vay	12.9	6.06	112%	28.1	29.3	-4.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.17	34.7	-99.5%	0.37	38.4	-99.0%
Chi phí QLDN	**-20.6**	**11.2**	**-283%**	**-84.7**	**43.3**	**-296%**
LN thuần từ HĐKD	-20.9	-24.1	13.4%	16.2	424	-96.2%
Lợi nhuận khác	**-0.06**	**-0.18**	**66.4%**	**-1.06**	**1.39**	**-176%**
LN trước thuế	-20.9	-24.3	13.8%	15.1	426	-96.4%
Lợi nhuận sau thuế	**-20.9**	**2.17**	**-1065%**	**27.8**	**441**	**-93.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-14.0**	**-17.2**	**18.8%**	**17.0**	**379**	**-95.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-620	414	-754	1,796	-1,941	259
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-102	-221	0	4.29	2.78	-50.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	281	-118	355	-545	572	-248
Tiền đầu kỳ	1,010	569	599	199	1,454	87.4
Lưu chuyển tiền thuần	**-441**	**75.3**	**-400**	**1,255**	**-1,367**	**-39.6**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	569	644	199	1,454	87.4	47.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,363**	**2,281**	**3.6%**
Tài sản ngắn hạn	2,345	2,264	3.6%
Tiền và tương đương tiền	47.8	599	-92.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,621	1,166	39.0%
Phải thu ngắn hạn	671	491	36.8%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	5.12	9.42	-45.7%
Tài sản dài hạn	**18.3**	**17.0**	**7.6%**
Phải thu dài hạn	15.1	15.0	0.8%
Tài sản cố định	2.30	1.66	38.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.05	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.80**	**0.31**	**161%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	613	273	125%
Nợ ngắn hạn	**613**	**260**	**136%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	514	163	215%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.21	18.7	-98.9%
Nợ dài hạn	0	12.7	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,750**	**2,008**	**-12.9%**
Vốn chủ sở hữu	**1,750**	**2,008**	**-12.9%**
Vốn điều lệ	962	1,186	-18.9%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)